

Bản án số: 87/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2020
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Tư**.

2. Ông **Võ Quang Truyền**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 517/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị LTML**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số A12/7, khu phố HTr, phường HT, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **VHL**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số A12/7, khu phố HTr, phường HT, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà LTML trình bày:**

Bà và ông VHL chung sống năm 1995, đăng ký kết hôn ngày 29/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện HT (nay là phường HT, thị xã HT), tỉnh TN, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hợp nhau về tính tình, thường xuyên cãi vã nhau. Năm 2017 bà

nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh TN, sau đó rút đơn khởi kiện để cho ông L. có cơ hội sửa đổi nhưng ông L. không sửa đổi. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L..

Về con chung: Có 02 con chung Võ L. K, sinh năm 1996 và Võ Thị MT, sinh năm 2000 đã thành niên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ ông bà.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông VHL trình bày:***

Ông thống nhất lời trình bày của bà L. về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông bà sống chung hạnh phúc được đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà L. thường đi sớm về khuya, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn. Con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà L. và ông L. sống chung năm 1995, có đăng ký kết hôn và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, ông bà thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L. đối với ông L.. Về con chung, ông bà có hai người con đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, ông bà không yêu cầu giải quyết. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà LTML và ông VHL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L., ông L. theo quy định tại các Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà LTML và ông VHL tự nguyện chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, bà L. cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình nên năm 2017 bà L. nộp đơn ly hôn ông L. tại Tòa án nhân dân huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh TN, nhưng sau đó rút đơn khởi kiện để cho ông L. có cơ hội sửa đổi nhưng ông L. không sửa đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn ông L..

Xét mâu thuẫn của bà L., ông L. là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L. theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung Võ L. K, sinh năm 1996 và Võ Thị MT, sinh năm 2000 đều đã thành niên, bà L. và ông L. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L. và ông L. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà LTML đối với ông VHL

Bà LTML được ly hôn với ông VHL.

2. Về con chung: Bà LTML và ông VHL có 02 con chung Võ L. K, sinh năm 1996 và Võ Thị MT, sinh năm 2000 đã thành niên, bà L. và ông L. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà LTML và ông VHL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà LTML phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L. đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009137 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN, ghi nhận bà L. đã nộp xong án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- Chi cục THADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Tấn Nhàn